| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CÀNG LONG**<br>**TỈNH TRÀ VINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15/7/2022
"*V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con*".

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Nhung.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Kiên Ngọc Minh.
2. Ông Trần Trung Kiên.

***Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Ông Thạch Ươn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long.

Trong ngày 15 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 241/2022/TLST-HNGĐ, ngày 25/10/2021 về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 6 năm 2022 giữa:

*Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Mai T, sinh năm 1982. Địa chỉ: ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có đơn xin vắng mặt).

*Bị đơn:* Ông Trần S, sinh năm 1971. Địa chỉ: ấp C, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có đơn xin vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện, các bản khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Võ Thị Mai T là nguyên đơn trình bày:*** vào khoảng tháng 01 năm 1999 do tình cờ quen biết nhau và tìm hiểu khoảng 01 tháng thì bà và ông S tiến tới hôn nhân, tổ chức lễ cưới nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn phải đi làm ăn xa nên đến ngày 22/9/2011 vợ chồng mới đến UBND xã Phương Thạnh đăng ký kết hôn.

Sau ngày cưới vợ chồng chung sống với nhau khoảng 21 năm thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, dẫn đến cự cãi nhiều lần, mâu thuẫn kéo dài không thể khắc phục được nên đã ly thân nhau, không con chung sống với nhau nữa.

Quá trình chung sống vợ chồng sinh được 02 con chung tên Trần Thị Kim N, sinh ngày 03/6/2000 và Trần Thiện K, sinh ngày 16/10/2011.

- *Về tài sản chung*: nữ trang ngày cưới gồm có 02 chỉ vàng 18Kra, vợ chồng đã bán hết không còn. Ngoài ra vợ chồng không tạo lập tài sản gì khác.

- *Về nợ chung*: Vợ chồng không thiếu nợ ai và cũng không có ai thiếu nợ vợ chồng.

Nay về hôn nhân: bà yêu cầu được ly hôn với ông Trần S.

- *Về con chung:* có 02 người tên Trần Thị Kim N, sinh ngày 03/6/2000 và Trần Thiện K, sinh ngày 16/10/2011. Sau khi ly hôn, đối với con tên N đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết; đối với con tên K, bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Tại bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Trần S là bị đơn vắng mặt nhưng có lời trình bày:*** ông với bà T do tự tìm hiểu quen biết nhau đi đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 1999, hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phương Thạnh, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh. Trong cuộc sống vợ chồng có nhiều cự cãi, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung và mâu thuẫn kéo dài không khắc phục được, từ đó vợ chồng sống ly thân với nhau khoảng 10 năm nay.

- *Về con chung*: có 02 người tên Trần Thị Kim N, sinh ngày 03/6/2000 và Trần Thiện K, sinh ngày 16/10/2011.

- *Về tài sản chung*: không có.

- *Về nợ chung*: không có.

Nay về hôn nhân: ông đồng ý ly hôn với bà T.

- *Về con chung:* có 02 người tên Trần Thị Kim N, sinh ngày 03/6/2000 và Trần Thiện K, sinh ngày 16/10/2011. Sau khi ly hôn, đối với con tên N đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết; đối với con tên K, ông yêu cầu giải quyết theo nguyện vọng của con, sống với ông thì ông nuôi, không yêu cầu bà T cấp dưỡng; sống với bà T thì bà T nuôi, ông không cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Tại bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án em Trần Thiện K trình bày:*** em là con của ông Trần S và bà Võ Thị Mai T. Trường hợp cha mẹ ly hôn thì em có nguyện vọng được sống chung với mẹ là bà Thảo.

Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nên không có lời trình bày.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về thủ tục tố tụng:** bà Võ Thị Mai T là nguyên đơn; ông Trần S là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227; 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo luật định.

**[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:** bà Võ Thị Mai T có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Càng Long giải quyết việc hôn nhân của bà. Theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

**[3] Về quan hệ hôn nhân:** bà Võ Thị Mai T và ông Trần S xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 1999. Hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phương Thạnh, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh vào ngày 22/9/2011 nên hôn nhân giữa bà T và ông S là hợp pháp.

Quá trình chung sống hai bên đã xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn vợ chồng được bà T thừa nhận tại bản tự khai; ông S cũng thừa nhận cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, không giải quyết được, từ đó hai người đã cắt đứt quan hệ vợ chồng, mỗi người sống một nơi khoảng 10 năm nay.

Xét thấy, Điều 19 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định về tình nghĩa vợ chồng, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đở nhau, cùng nhau chia sẽ thực hiện các công việc trong gia đình, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau. Đối với hôn nhân giữa bà T và ông S đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, đến nay hai người đã cắt đứt quan hệ vợ chồng mỗi người sống mỗi nơi, không còn sống chung với nhau nữa, không còn quan tâm chăm sóc, lẫn nhau. Từ đó thể hiện mâu thuẫn vợ chồng của bà T và ông S đã căng thẳng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nay bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ và làm đơn xin ly hôn với ông S, ông S cũng đồng ý ly hôn. Việc thuận tình ly hôn giữa bà T với ông S là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ phù hợp với Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

**[4] Về con chung:** có 02 người tên Trần Thị Kim N, sinh ngày 03/6/2000, đã trưởng thành có cuộc sống riêng và Trần Thiện K, sinh ngày 16/10/2011 hiện nay đang sống với bà T. Nguyện vọng của em K là được sống chung với bà T sau khi cha mẹ ly hôn. Bà T và ông S cũng đồng ý với nguyện vọng của con. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cũng cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của các con chưa thành niên. Xét thấy từ khi bà T và ông S ly thân cho đến nay, em K sống với ba T và do bà T chăm sóc, nuôi dưỡng, đảm bảo quyền lợi của con về mọi mặt trong cuộc sống và hiện nay em K được đến trường và có cuộc sống ổn định; nguyện vọng của em K là được sống chung với bà T sau khi cha mẹ ly hôn, từ đó nghĩ nên chấp nhận theo nguyện vọng của em K và sự thỏa

thuận về quyền nuôi con của bà T và ông S, từ đó nghĩ nên công nhận cho bà T được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng con tên Trần Thiện K, sinh ngày 16/10/2011.

**[5] Về cấp dưỡng nuôi con:** hai bên chưa đưa ra yêu cầu về phần cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

**[6] Về tài sản chung:** hai bên không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

**[7] Về nợ chung:** hai bên xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

**[8] Về án phí:** buộc bà Võ Thị Mai T có nghĩa vụ nộp án phí theo quy định của pháp luật. Ông Trần S không phải chịu án phí.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 19, 51, 53, 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 01 Điều 28, Điều 35, 147, 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Mai T.

**[1] Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Võ Thị Mai T với ông Trần S.

**[2] Về con chung:** Công nhận cho bà Võ Thị Mai T được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Trần Thiện K, sinh ngày 16/10/2011.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

**[3] Về cấp dưỡng nuôi con:** hai bên chưa đưa ra yêu cầu về phần cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

**[4] Về tài sản chung:** hai bên không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

**[5] Về nợ chung phải thu, phải trả:** hai bên thừa nhận không có, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

**[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm:** Buộc bà Võ Thị Mai T có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: AA/2020/0006500, ngày 21/10/2021 do bà T nộp tại Chi cục

Thi hành án dân sự huyện Càng Long thu. Bà Võ Thị Mai T đã nộp đủ tiền án phí, không phải nộp tiếp.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

*"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".*

***Nơi nhận:***
- Tòa án tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Phương Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký tên và đóng dấu)*

**Nguyễn Thị Kim Nhung**